TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:45/2018/DS-ST
Ngày 30 - 11 - 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng giao khoán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T - TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Ngọc Thắng;

Bà Vũ Thị Thu Ngát.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Trần Văn Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2018/TLST – DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 15/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B do ông Nguyễn Kh L– Giám đốc công ty đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ công ty: Đường X G, thị trấn H L, huyện H L, tỉnh Lạng Sơn.

Ủy quyền cho ông Lưu Văn T – Phó giám đốc Lâm trường Đ S đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2018 (Ông LT vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn : Hướng Văn H, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T Mi, xã Đ H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Triệu Thị Q, sinh năm: 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T Mi, xã Đ H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018, bản tự khai ngày 30 tháng 5 năm 2018 các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B do ông Nguyễn Kh Lđại diện theo pháp luật, ông Lưu Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ hợp đồng giao khoán số 28/HĐ/LT ngày 10 tháng 4 năm 2014 Hợp đồng giao khoán kinh doanh rừng chồi trả sản phẩm cuối chu kỳ giữa Lâm trường Đ S thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B với anh Hướng Văn H đối với lô rừng diện tích 1,27 ha thuộc địa bàn xã Đ H, khoảnh 3b, lô E28 theo bản đồ thiết kế tào rừng KH năm 2014 đội Đ H, Lâm trường Đ S.Tại điều 3 của Hợp đồng ghi rõ khi đến kỳ khai thác trả sản phẩm cho Lâm trường anh Hướng Văn H phải trả cho Lâm trường 28,57m^3. Đến ngày 30 tháng 10 năm 2017 Lâm trường kiểm tra phát hiện anh H tự ý khai thác không trả sản phẩm cho Lâm trường theo hợp đồng đã ký. Toàn bộ sản phẩm trên lô rừng diện tích 1,27 ha anh H đã tiêu thụ hết mà không trả sản phẩm cho Lâm trường Đ S. Công ty khởi kiện yêu cầu anh Hướng Văn H phải trả sản phẩm giao khoán cho công ty như hợp đồng đã ký kết là 28,57 m^3 gỗ x 780.000đ/ 1 m^3 = 22.284.600đ (Hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm đồng). Chứng cứ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng giao khoán số 28/HĐ - LT ngày 10/4/2014, Đơn xin giao khoán rừng trồi để kinh doanh ngày 10/4/2014, Biên bản giao khoán nhận khoán đất ngày 10/4/2014, Biên bản kiểm tra ngày 30/10/2017, Biên bản kiểm tra ngày 31/10/2017, Quyết định số 46/QĐ/CT - LNTH ngày 17/3/2017, Phiếu chi số 181 ngày 12/8/2015, Biên bản làm việc ngày 08/6/2015.

Anh Hướng Văn H và chị Triệu Thị Q không hợp tác, không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án đã nhiều lần đến gia đình anh H và chị Q để lấy lời khai nhưng không gặp được anh H và chị Q, vì vậy trong hồ sơ không có bản khai của anh H và chị Q.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B không thay đổi bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện.

Anh Hướng Văn H và chị Triệu Thị Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị: Áp dụng Điều 9; Điều 10 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính Phủ. Áp dụng Điều 483; 485, 488; 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T H vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH một thành viên L N Đ B về buộc anh H trả 28,57m^3 gỗ x 780.000 đồng/m^3 = 22.284.600 đồng (theo đơn giá tại Quyết định số 46 QQĐ/CT-LNTH ngày 17/3/2017 của Công ty TNHH một thành viên L N Đ B). Và phải thanh lý hợp đồng giao khoán theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hướng Văn H, chị Triệu Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh H, chị Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 10 tháng 4 năm 2014 Lâm trường Đ S thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B ký hợp đồng giao khoán kinh doanh rừng chồi trả sản phẩm cuối chu kỳ với anh Hướng Văn H, diện tích giao khoán 1,27 ha tại khoảnh 3B, lô E28, thời gian giao khoán 5 năm tính từ tháng 4 năm 2014, theo đó anh H nhận giao khoán kinh doanh rừng chồi bạch đàn mật độ 1200 cây/1 ha. Lâm trường Đ S không phải đầu tư vật tư nhưng Lâm trường Đ S vẫn chi trả cho anh H số tiền 589.280đ (Năm trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi đồng), chị Triệu Thị Q đã nhận tiền ngày 12 tháng 8 năm 2015. Cuối chu kỳ anh Hướng Văn H phải trả cho Lâm trường Đ S 28,57 m^3 gỗ. Trong hai ngày 30 và ngày 31 tháng 10 năm 2017 Lâm trường Đ S tiến hành kiểm tra và phát hiện anh H tự ý khai thác gỗ mà không được sự đồng ý của Lâm trường Đ S, sau khi khai thác gỗ anh H không trả sản phẩm khoán cho Lâm trường Đ S. Lâm trường Đ S yêu cầu anh H đến Lâm trường Đ S để thanh lý hợp đồng nhưng anh H không thực hiện. Ngày 26 tháng 02 năm 2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B khởi kiện yêu cầu anh Hướng Văn H phải trả cho công ty 28,57 m^3 gỗ x 780.000đ = 22.284.600đ (Hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B Hội đồng xét xử thấy Hợp đồng số 28/HĐ/LT ngày 10 tháng 4 năm 2014 Lâm trường Đ S ký với anh Hướng Văn H, hai bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, diện tích đất tại lô E28, khoảnh 3B anh H đã được nhận rừng vào ngày 10 tháng 4 năm 2014 (Bút lục số 4). Khi chưa hết chu kỳ nhận khoán, anh Hướng Văn H đã vi phạm hợp đồng, tự ý khai thác gỗ mà không được sự đồng ý của Lâm trường Đ S, anh H không trả sản phẩm theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y T giải quyết, buộc anh Hướng Văn H phải trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B 28,57 m^3 gỗ x 780.000đ = 22.284.600đ (Hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm đồng). Anh H, chị Q không hợp tác và không có ý kiến phản đối nên chứng cứ do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B đưa ra được chấp nhận theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do số gỗ anh H khai thác đã tiêu thụ hết nên cần buộc anh Hướng Văn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B bằng tiền tương ứng với khối lượng gỗ các bên đã thỏa thuận ký kết theo hợp đồng là 28,57 m^3 gỗ x 780.000đ/01m^3 = 22.284.600đ (Hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm đồng) là có căn cứ. Do anh H không tự nguyện thanh lý hợp đồng giao khoán, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án có giá trị thi hành, nên không cần thiết buộc anh H phải thanh lý hợp đồng đã ký kết.

[4]Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B được chấp nhận nên công ty không phải chịu tiền án phí. Anh Hướng Văn H là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã Đ H là xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên anh H được miễn tiền án phí.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 70, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 483, Điều 484, Điều 486, Điều 488, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B. Buộc anh Hướng Văn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một

thành viên L N Đ B số tiền 22.284.600đ (Hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hướng Văn H.

Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L N Đ B 357.000đ (Ba trăm năm mươi bẩy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004185 ngày 03 tháng 5 năm 2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Y T, tỉnh Bắc Giang thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo